

Số: 12 /KH-SKHCN

Đắk Nông, ngày 07 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 và Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của tỉnh Đắk Nông năm 2023;

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông, ban hành Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường hơn nữa việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) nhằm ngăn chặn và giảm thiểu tối đa lãng phí trong việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về THTK, CLP trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

- Nâng cao hiệu quả trong quản lý nhà nước, cải cách hành chính trong sử dụng các nguồn lực.

2. Yêu cầu

- Thực hiện nghiêm túc Luật THTK, CLP, các Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về công tác THTK, CLP;

- Tăng cường và triển khai đồng bộ các giải pháp THTK, CLP trên tất cả các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ;

- Các tổ chức Đảng, đoàn thể của cơ quan phối hợp chặt chẽ với các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đảng viên, đoàn viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện

nghiêm túc các quy định về THKT, CLP; trong đó, đảng viên, người đứng đầu các tổ chức, đơn vị đóng vai trò là đầu tàu gương mẫu;

- Thường xuyên phối hợp, kiểm tra, đôn đốc theo dõi công tác THKT, CLP tại cơ quan, đơn vị bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt Luật THTK, CLP

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến quán triệt Luật THTK, CLP; Luật Phòng, chống tham nhũng; các Kết luận, Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về THTK, CLP, các văn bản hướng dẫn thi hành và những văn bản pháp luật khác có liên quan do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại cơ quan, đơn vị.

- Kết hợp chặt chẽ giữa THTK, CLP với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác THTK, CLP

2.1. Rà soát sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan đảm bảo theo đúng quy định của UBND tỉnh và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả

2.2. THTK, CLP trong xây dựng kế hoạch, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hằng năm công khai, minh bạch, khách quan. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thẩm định nội dung và kinh phí đảm bảo theo quy định của UBND tỉnh, đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng định mức theo các quy định hiện hành;

- Tiến hành các thủ tục lập, giao dự toán kinh phí đảm bảo đúng trình tự thời gian, đúng thẩm quyền theo phân cấp. Công tác quản lý kinh phí đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, thực hiện nội dung và kinh phí theo thuyết minh đã được phê duyệt.

2.3. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

- Sử dụng xe công làm việc, xăng, dầu theo đúng quy định, định mức và tiết kiệm;

- Sử dụng văn phòng phẩm, điện, điện thoại, nước sạch tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí;

- Tiết kiệm trong tổ chức Hội thảo, Hội nghị, tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm ...;

- Thực hiện chi công tác phí đúng quy định, tiết kiệm;

- Việc trang bị máy vi tính và các thiết bị văn phòng khác đúng theo định mức, tiêu chuẩn trang thiết bị thực sự cần thiết phục vụ công tác chuyên môn, có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Việc mua sắm tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

2.4. THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc

- Thực hiện các dự án đầu tư phát triển đảm bảo đúng quy định, tiết kiệm và thiết thực đối với sự phát triển khoa học công nghệ nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung;

- Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc đúng quy định và đúng mục đích. Việc xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách phải dựa trên cơ sở, định mức tiêu chuẩn, chế độ do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2.5. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động tại cơ quan, đơn vị

- Xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả; thực hiện đào tạo, điều động, luân chuyển, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phát huy khả năng chuyên môn trong thực thi nhiệm vụ được giao;

- Quản lý tốt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sử dụng quỹ thời gian đúng quy định nhà nước, đảm bảo hiệu quả làm việc.

2.6. Thực hiện công khai về THTK, CLP

- Công khai xây dựng Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm;

- Công khai công tác quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, dự toán và giao dự toán chi thường xuyên;

- Công khai tài sản, thu nhập đối với các đối tượng phải kê khai tài sản theo định kỳ hằng năm.

2.7. Kiểm tra, thanh tra việc THTK, CLP

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về các lĩnh vực công tác liên quan đến THTK, CLP, kiên quyết xử lý nghiêm những đơn vị trực thuộc, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có hành vi vi phạm;

- Phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân trong công tác THTK, CLP; thực hiện tốt Quy chế dân chủ.

2.8. Cải cách hành chính trong giải quyết công việc

- Thực hiện chương trình cải cách hành chính theo cơ chế một cửa, công khai, đơn giản hoá và hoàn thiện thủ tục hành chính đối với một số lĩnh vực thuộc quyền quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;
- Tiếp tục tăng cường thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong đơn vị, tăng cường việc sử dụng phần mềm hệ thống quản lý văn bản trong hoạt động hàng ngày để giảm thiểu chi phí và thời gian trong xử lý công việc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Lãnh đạo Sở; Trưởng các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý chấp hành nghiêm túc công tác THTK, CLP;
- Định kỳ, các phòng, đơn vị trực thuộc báo cáo kết quả thực hiện công tác THTK, CLP của đơn vị mình về Văn phòng Sở để tổng hợp, báo cáo gửi Sở Tài chính theo quy định.
- Kế hoạch này được triển khai đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động biết và thực hiện, làm cơ sở xét chọn, đánh giá thi đua khen thưởng cuối năm.

Trên đây là Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc đề xuất ý kiến thông qua Văn phòng Sở để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở xem xét, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- GD và các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP(Thương).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đặng Văn Tin



Phụ lục

KẾ HOẠCH THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG Lãng PHÍ NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: 12/KH-SKH-CN ngày 07/02/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu THPT-CLP năm trước	Kế hoạch năm hiện hành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN)				
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN				
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Triệu đồng			
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng			
1.4	Các nội dung khác				
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN				
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		184	180	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>15</i>	<i>15</i>	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>19</i>	<i>15</i>	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>20</i>	<i>20</i>	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>20</i>	<i>20</i>	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>15</i>	<i>15</i>	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>35</i>	<i>35</i>	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu THPTK-CLP năm trước	Kế hoạch năm hiện hành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>Triệu đồng</i>	20	20	Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>Triệu đồng</i>	20	20	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>Triệu đồng</i>	20	20	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)				
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	Triệu đồng			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:				
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	Triệu đồng			
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	Triệu đồng			
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	Triệu đồng			
	<i>Các nội dung khác</i>	Triệu đồng			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng			
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	Triệu đồng			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Triệu đồng			
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ				
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	Triệu đồng			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu THPTK-CLP năm trước	Kế hoạch năm hiện hành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
4	Các nội dung khác				
II	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NSNN, TIỀN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC				
1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án			
2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng			
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng			
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	Triệu đồng			
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng			
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng			
3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Triệu đồng			
4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án			
5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ				
	Số lượng	Dự án			
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	Triệu đồng			
6	Các nội dung khác				
III	QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, NHÀ CÔNG VỤ CỦA CƠ QUAN SỬ DỤNG NSNN, CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI CÔNG CỘNG				
1	Trụ sở làm việc				
1.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	M2	6.513	6.513	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu THPT- CLP năm trước	Kế hoạch năm hiện hành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	M2			
1.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	M2			
1.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	M2			
1.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	M2			
1.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng			
2	Nhà công vụ				
2.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	M2			
2.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	M2			
2.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	M2			
2.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	M2			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	M2			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng			
3	Phương tiện di lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)				
3.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	Chiếc	4	4	
3.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	Chiếc			
3.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc			
3.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu THPTK- CLP năm trước	Kế hoạch năm hiện hành	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng			
4	Tài sản khác				
4.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	Tài sản			
4.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản			
4.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Triệu đồng			
5	Các nội dung khác				